

Hợp Đồng Số./Contract no.:

Ngày/ Date:

Giữa/Between

CÔNG TY

Là Bên Vay/*as Borrower*

Và/*And*

NGÂN HÀNG CHINA CONSTRUCTION BANK CORPORATION-

CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHINA CONSTRUCTION BANK CORPORATION-HO CHI MINH CITY BRANCH

Là Bên Cho Vay/ *as Lender*

HỢP ĐỒNG HẠN MỨC TÍN DỤNG NGẮN HẠN
GENERAL SHORT-TERM FACILITY CONTRACT

1. HẠN MỨC TÍN DỤNG / *FACILITY*

Bên B sẽ cung cấp cho Bên A một hạn mức tín dụng ngắn hạn với hạn mức tối đa là/ *Party B shall provide to Party A with a general short-term facility in an amount up to: USD (bằng chữ /In word: Đôla Mỹ) hoặc tương đương/ or equivalent, (“Hạn Mức Tín Dụng”/ “Facility”).*

Trong đó / *Including:*⁵

(1) Hạn mức 1 / *Facility 1*

(2) Hạn mức 2 / *Facility 2*

2. THỜI HẠN CHO VAY VÀ THỜI HẠN DUY TRÌ HẠN MỨC TÍN DỤNG/ *DURATION OF THE FACILITY:*

2.1 Thời hạn của Hạn Mức Tín Dụng là kể từ ngày/ *The Duration of the Facility is from* ⁶ đến ngày/ *to* ⁷ (“Thời Hạn Hiệu Lực/ *Availability Period*”).

2.2 Thời hạn của từng Khoản Vay: /*The term or tenor of each Utilization:*

(Mention as per credit approval)

.....

2.3 Hạn Mức Tín Dụng sẽ tự động chấm dứt khi hết hạn Thời Hạn Hiệu Lực và Hạn Mức Tín Dụng chưa được sử dụng sẽ tự động trở thành không còn hiệu lực. Tuy nhiên, ngày hết hạn của các Khoản Vay được giải ngân trong Thời Hạn Hiệu Lực sẽ không phụ thuộc vào việc hết hạn của Thời Hạn Hiệu Lực.

The Facility shall automatically terminate upon the expiry of the Availability Period and the unused Facility shall automatically become void and null. However, the expiration date of each Utilization being disbursed during the Availability Period shall not be subject to the expiration of

⁵ Phòng tiếp thị điền các thông tin phù hợp theo phê duyệt tín dụng/Marketing Department please fill out the information suitable with credit approval:

- (1) Hạn mức cho vay (loại tiền và số tiền bằng chữ) _____/Credit line for loan (currency and amount in words)_____;
- (2) Hạn mức bảo lãnh (loại tiền và số tiền bằng chữ) _____/ Credit line for guarantee (currency and amount in words)_____;
- (3) Hạn mức cho phát hành bất kỳ thư tín dụng trả ngay hoặc trả chậm với thời hạn tối đa đến ____ ngày (gồm cả ngày phát hành) (loại tiền và số tiền bằng chữ) _____;/Line for issuance of at sight or usance letter of credit for a tenor up to ____ (inclusive) days (currency and amount in words)_____;
- (4) Hạn mức đối với khoản vay biên nhận ủy thác (loại tiền và số tiền bằng chữ) _____;/ Line for trust receipt loan (currency and amount in words)_____;
- (5) Hạn mức đối với bảo lãnh giao hàng (loại tiền và số tiền bằng chữ) _____;/ Line for shipping guarantee (currency and amount in words)_____;
- (6) Hạn mức đối với khoản vay làm hàng xuất khẩu (cho vay trọn gói theo thư tín dụng) (loại tiền và số tiền bằng chữ) _____;/ Line for packing loan (currency and amount in words) _____;
- (7) Hạn mức đối với chiết khấu xuất khẩu (loại tiền và số tiền bằng chữ) _____; /Line for export negotiation (currency and amount in words)_____;/
- (8) Hạn mức đối với tài trợ chứng từ xuất khẩu (loại tiền và số tiền bằng chữ) _____; /Line for export documents financing (currency and amount in words)_____;
- (9) Hạn mức đối với chiết khấu hối phiếu/bao thanh toán theo thư tín dụng trả chậm (loại tiền và số tiền bằng chữ) _____;/ Line for bill discount/accounts receivable purchase under usance letter of credit (currency and amount in words)_____;
- (10) Hạn mức đối với khoản vay nhờ thu xuất khẩu theo phương thức thanh toán nhờ thu kèm chứng từ (D/P) và/hoặc chấp nhận chứng từ (D/A) (loại tiền và số tiền bằng chữ) _____;/ Line for export collection loan under documents against payment (D/P) and/or against acceptance (D/A) (currency and amount in words) _____;
- (11) Hạn mức đối với việc bảo lãnh của Ngân Hàng (Bank's aval) cho hối phiếu trả chậm (theo hình thức nhờ thu xuất khẩu (D/A) (loại tiền và số tiền bằng chữ) _____; /Line for bank's aval of usance draft under export collection (D/A) (currency and amount in words)_____;
- (12) Hạn mức đối với việc tài trợ mua hàng (loại tiền và số tiền bằng chữ) _____; / Line for purchase order financing (currency and amount in words)_____;
- (13) Khác/others _____

⁶ Điền ngày ký hợp đồng này hoặc ngày khác sau ngày ký hợp đồng / Fill out the date of signing this contract or another date after the date of signing contract.

⁷ Điền ngày cuối hết hạn của Hạn mức tín dụng căn cứ theo phê duyệt tín dụng / Fill out the final date of the Facility based on credit approval.

the Availability Period.

- 2.5 Nghĩa vụ của Bên A hoàn trả số tiền nợ của mình liên quan đến bất kỳ khoản tài trợ nào được cấp trong Thời Hạn Hiệu Lực sẽ không bị ảnh hưởng bởi sự hết hạn của Thời Hạn Hiệu Lực ngay cả khi ngày đáo hạn đối với từng Khoản Vay đến sau khi Thời Hạn Hiệu Lực hết hạn.

Party A's obligation to repay its indebtedness in respect of any single utilization granted within the Availability Period shall not be affected by the expiration of Availability Period even if the maturity date for such Utilizations comes after the Availability Period expires.

2. -MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG VỐN VAY/ PURPOSES OF LOANS:

- ☐ [- Bổ sung vốn lưu động/Working capital
- ☐ - Tài trợ thương mại/ Trade finance
- ☐ - Phát hành bảo lãnh ngân hàng/ Bank guarantee issuance
- ☐ -]⁸

4. ĐỒNG TIỀN CHO VAY/PHÁT HÀNH BẢO LÃNH VÀ TRẢ NỢ/ CURRENCY OF LOAN/BANK GUARANTEE ISSUANCE AND REPAYMENT:

5. PHƯƠNG THỨC CHO VAY/ METHOD OF LENDING :

- ☐ Cho vay theo hạn mức/ Credit line loan
- ☐ Cho vay từng lần/ One-off loan
- ☐ Khác/ Other:

6. LÃI SUẤT, TIỀN LÃI VÀ PHÍ/ INTEREST RATE, INTEREST AND FEE

6.1 Lãi suất của Khoản Vay (“**Lãi Suất Vay**”) Interest rate of Utilization (“Utilization Interest Rate”):

Lãi suất của mỗi Khoản Vay theo Hợp Đồng này là lãi suất nêu tại Mục dưới đây:

- (1) Là lãi suất cố định hoặc lãi suất thả nổi được đề cập cụ thể trong **THÔNG BÁO GIẢI NGÂN** đối với từng Khoản Vay tại thời điểm giải ngân, được tính theo cơ sở 365 ngày một năm.

Fixed interest rate or floating interest rate as mentioned specifically in the NOTIFICATION FOR DRAWDOWN to a single utilization, based on 365 days per year.

- (2) Là lãi suất cố định %/năm, sẽ giữ nguyên không thay đổi trong suốt thời hạn của Khoản Vay; được tính theo cơ sở 365 ngày một năm.

Where the interest rate hereunder is fixed, i.e. []%, which shall remain unchanged during the term of the loan; based on 365 days per year.

- (3) Là lãi suất thả nổi, tiền lãi sẽ được tính ở mức **USD LIBOR/HIBOR của thời hạn tương ứng cộng %/năm** (đối với khoản vay bằng USD) hoặc **Lãi Suất Tham Chiếu đối với VNĐ cộng %/năm** (đối với khoản vay bằng VNĐ) , mà sẽ được điều chỉnh mỗi [] tháng một lần.

Where the interest rate hereunder is floating interest will be charged at USD LIBOR/HIBOR of correspondence tenor plus ...% p.a. (in case of USD loan) or VND Reference Interest Rate plus ...% p.a. (in case of VND loan), which shall be adjusted every [] month(s).

Trong trường hợp lãi suất tham chiếu LIBOR/HIBOR ảnh hưởng bất lợi đến lãi biên của khoản vay, LIBOR/HIBOR sẽ được xem như bằng không.

In case LIBOR/HIBOR becomes negative for the interest rate of the loan, it shall be taken as zero.

- 6.2 Tiền lãi cộng dồn hàng ngày của các khoản vay theo Hợp Đồng này sẽ được thanh toán theo mục sau đây:

The interest accrued on the Loan hereunder shall be settled in accordance with of the following:

- (a) trên cơ sở hàng tháng và ngày thanh toán lãi sẽ là ngày 25th của mỗi tháng;
on a monthly basis and the interest settlement date shall be the 25th day of each month;

⁸ Giữ nguyên/sửa đổi/xóa phù hợp với phê duyệt tín dụng/ Remain or revise or remove according to credit approval

(b) trên cơ sở hàng quý và ngày thanh toán lãi sẽ là ngày 25th của tháng cuối cùng của quý liên quan;

on a quarterly basis and the interest settlement date shall be the 25th day of the last month of the relevant quarter;

(c) Phương thức khác: Không có.

Other method: None.

6.3 Nguyên tắc tính lãi, phương pháp tính lãi: theo quy định tại Điều khoản và Điều Kiện Chung của Hợp đồng này và theo quy định tại Thông báo giải ngân của từng Khoản Vay.

Interest calculating principles, interest calculation method: follow the provisions stipulated in General Terms and Conditions of Credit Facility.

6.4 Phí bảo lãnh bằng % (phần trăm) số tiền được bảo lãnh mỗi năm và phải nộp hàng quý kể từ ngày phát hành Thư Bảo Lãnh Ngân Hàng. Nếu Thư Bảo Lãnh không được cấp vì bất kỳ lý do nào thuộc về Bên A hoặc người thụ hưởng, Bên A phải thanh toán cho Bên B chi phí xử lý [loại tiền] [số tiền (bằng chữ)].

The guarantee fee shall be charged at % (percent) of the guaranteed amount per annum and payable quarterly from the issuing date of the Bank L/G. If the L/G is not issued due to any reason attributable to Party A or the beneficiary, Party A shall pay Party B the handling charges of [currency] [amount (in words)].

6.5 Phí trả nợ trước hạn: %, theo quy định về trả tiền vay trước hạn tại Điều khoản và điều kiện chung về cấp tín dụng đính kèm Hợp đồng này.⁹

Early repayment fee: %, in accordance with provisions on early repayment of loans in the General Terms and Conditions of Credit Facility attached to this Contract.

6.6 Các khoản phí khác (nếu có) theo thỏa thuận của các Bên và phù hợp với quy định của Bên B và quy định pháp luật từng thời kỳ.

Other fees (if any) as agreed by the Parties and in accordance with the provisions of Party B and the law from time to time.

7. BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM/ SECURITY:

7.1 Biện pháp bảo đảm tiền vay/ *Method of loan security:*

☐ Cầm cố/ *Pledge*

☐ Thế chấp/ *Mortgage*

☐ Bảo lãnh/ *Guarantee*

☐ Hình thức bảo đảm khác: / *Others:*

☐ Không có tài sản bảo đảm/ *Unsecured*

7.2 Tài sản bảo đảm tiền vay bao gồm/ *Loan secured assets include:*

7.3 Tổng giá trị tài sản bảo đảm (theo biên bản định giá ngày và Hợp đồng bảo đảm tiền vay số ngày): là VND (bằng chữ:). Giá trị tài sản bảo đảm chỉ là cơ sở cấp tín dụng, không áp dụng khi xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Total value of secured assets (as stated in the Valuation minutes dated and the Loan Security Agreement No. dated): is VND (in words:) Value of secured assets is only a foundation of the credit facility and shall not be applied upon disposal of secured assets for debt collection.

8. CÁC ĐIỀU KIỆN KHÁC KHI SỬ DỤNG HẠN MỨC¹⁰:

OTHER CONDITIONS FOR UTILIZATION¹¹:

8.1 [Số tiền của khoản vay mà Bên A yêu cầu mỗi lần rút sẽ không ít hơn **[500,000 USD]** hoặc tương đương, và kỳ hạn sẽ không ít hơn **[30]** ngày hoặc nhiều hơn **[12]** tháng, phải nộp đơn đến Bên B trước ít nhất là 3 ngày làm việc.

⁹ Có thể sửa theo phê duyệt tín dụng/ should be revised according to credit approval

¹⁰ Bổ sung các điều kiện theo phê duyệt tín dụng

¹¹ Input the conditions as specified in credit approval

In particular, the application for drawdown of a single loan in an amount not less than [USD 500,000.00] or equivalent, and the tenor shall be not less than [30] days or more than [12] months, must be submitted to Party B at least 3 working days in advance.]¹²

8.2

9. TOÀN BỘ THỎA THUẬN ENTIRE CONTRACT

9.1 Các nội dung tại:

- (i) Điều Khoản và Điều Kiện Chung Về Cấp Tín Dụng;
- (ii) Thỏa Thuận về Thư Tín Dụng Chứng Từ;
- (iii) Thỏa Thuận về Bảo Lãnh Vận Chuyển Hàng Hóa;
- (iv) Thỏa Thuận về Phát Hành Thư Bảo Lãnh¹³

đính kèm theo Hợp đồng này (sau đây gọi chung là “Các Thỏa Thuận Chung”) cùng với tất cả tài liệu pháp lý bao gồm nhưng không giới hạn ở các đơn yêu cầu và phụ lục đính kèm là một bộ phận không tách rời của Hợp Đồng này. Bên A bằng việc ký hợp đồng này xác nhận rằng đã được Bên B đã cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến Hợp đồng này và Các Thỏa Thuận Chung, đã đọc, hiểu và chấp thuận tuân thủ đầy đủ các nội dung quy định tại Hợp đồng này, Các Thỏa Thuận Chung cũng như các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

The provisions at:

- (i) *General Terms and Conditions of Credit Facility;*
- (ii) *Agreement on Letter of Credit Issuance;*
- (iii) *Agreement on Shipping Guarantee;*
- (iv) *Agreement on Letter Guarantee Issuance;*

which are enclosed to this Contract (hereinafter collectively referred to as "General Agreements"), all legal documents including but not limited to the appendixes hereto, relevant applications is an integral part of this Contract. By signing this contract, Party A confirms that Party B has provided all information related to this Contract and the General Agreements, has read, understood and agreed to fully comply with the contents specified in this Contract, the General Agreement as well as its amendments, supplements and replacements.

9.2 Chúng tôi, Bên A và Bên B tuyên bố và cam kết rằng Hợp Đồng Hạn Mức Tín Dụng Ngắn Hạn này và các Thỏa Thuận Chung đính kèm có hiệu lực và ràng buộc đối với chúng tôi và đã được lập và ký kết căn cứ vào các giấy tờ thành lập của chúng tôi và không bắt buộc phải có sự đồng ý hoặc phê duyệt thêm nữa.

We, Party A and Party B represent and warrant that this General Short-Term Facility Contract and General Agreements enclosed herewith is valid and binding against us and has been duly executed and provided to pursuant to our establishment documents and no further consent or approval is required.

10. CÁC THỎA THUẬN KHÁC: OTHER PROVISIONS:

10.1 Bất kỳ Khoản Vay nào mà Bên B cung cấp cho Bên A sẽ được cấp trên cơ sở không cam kết và Bên B có quyền chấm dứt hoặc hủy bỏ khoản vay đó vào bất kỳ thời điểm nào mà không cần đưa ra lý do với Bên A.

Any Utilization which Party B (Lender) provides to the Party A (Borrower) shall be on an uncommitted basis and Party B have the right to terminate or cancel such loan at any time without providing reasons to the Party A.

10.2

14

11. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG, LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

¹² Các mục (ii), (iii), (iv) giữ nguyên/sửa đổi/xóa phù hợp với phê duyệt tín dụng/ Items (ii) (ii), (iii), (iv) would be remained or revised or removed according to credit approval.

¹³ Giữ nguyên/sửa đổi/xóa phù hợp với phê duyệt tín dụng/ To be remained or revised or removed according to credit approval.

¹⁴ Bổ sung (nếu có) / input (if any)

EFFECTIVENESS OF THE CONTRACT, GOVERNING LAW AND DISPUTE SETTLEMENT

11.1 Luật Điều Chỉnh và Thẩm Quyền Xét Xử

Governing Law and Jurisdiction

Hợp Đồng này sẽ được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Trong quá trình thực hiện Hợp Đồng này, nếu có phát sinh tranh chấp hai Bên sẽ giải quyết thông qua thương lượng. Nếu không thể thương lượng, tranh chấp sẽ được giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại nơi Bên B có trụ sở.

This contract shall be governed by and construed in accordance with the laws of Vietnam. In the process of implementing this Contract, if any dispute arises, both Parties will resolve through negotiations. If not negotiable, the dispute shall be settled at the competent People's Court where the office of Party B is located.

11.2 Hợp Đồng này sẽ có hiệu lực khi được ký tên bởi người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của Bên A và Bên B và được đóng con dấu hợp pháp/con dấu chính thức của Bên A và Bên B.

The Contract shall become effective upon signing by the legal representative or authorized representative of both Party A and Party B and being affixed with the legal stamp/official seal of Party A and Party B.

11.3 Vô Hiệu Một Phần / Partial Invalidity

Nếu tại bất kỳ thời điểm nào, bất kỳ điều khoản nào của Hợp Đồng này là hoặc sẽ là bất hợp pháp, vô hiệu hoặc không thể thi hành về bất kỳ khía cạnh nào, tính hợp pháp, hiệu lực hoặc khả năng thi hành của các điều khoản còn lại của Hợp Đồng này sẽ không bị ảnh hưởng hoặc bị sút giảm.

If, at any time, any provision hereof is or becomes illegal, invalid or unenforceable in any respect, the legality, validity or enforceability of the remaining provisions hereof shall not be affected or impaired.

11.4 Hợp Đồng Hạn Mức Tín Dụng Ngắn Hạn này được lập thành hai (2) bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ một bản. Trường hợp có sự khác nhau giữa bản tiếng Anh và Tiếng Việt thì bản Tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng. Bên A công nhận rằng các Phụ Lục, Bản Sửa Đổi Bổ Sung nếu có, kèm theo Hợp Đồng này khi đã hoàn thành và được ký bởi Bên A cùng với các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng này sẽ tạo thành một hợp đồng giữa Bên A và Bên B. Trường hợp có sự khác biệt hay mâu thuẫn giữa nội dung Hợp Đồng Hạn Mức Tín Dụng Ngắn Hạn này và các Phụ Lục đính kèm Hợp đồng này so với nội dung quy định tại các Thỏa Thuận Chung thì nội dung quy định tại Hợp Đồng Hạn Mức Tín Dụng Ngắn Hạn này và các Phụ Lục đính kèm Hợp đồng này sẽ được ưu tiên áp dụng.

This General Short-Term Facility Contract is made in two (2) copies having the same validity, each Party keeps one copy of contract. If there is any difference between English and Vietnamese wording, Vietnamese version will be prevailed. Party A acknowledges that the Appendices, Amendment to Contract if any, attached to this Contract once completed and signed by the Party A together with the terms and conditions of this Contract will constitute a contract between the Party A and the Party B. In case of any discrepancy or inconsistency between the content of this General Short-Term Facility Contract and its Appendixes attached to this Contract compared with the content specified in the General Agreements, the content specified in General Short-Term Facility Contract and its Appendixes attached to this Contract will prevail.

Bên A/ Party A:

Người đại diện theo pháp luật/hoặc Người đại diện theo ủy quyền (chữ ký): _____

Legal representative person/ Authorized person (signature)

Con dấu hợp pháp/Con dấu chính thức:

Legal stamp/Official seal:

Bên B/Party B:

Người đại diện theo pháp luật/hoặc Người đại diện theo ủy quyền (chữ ký): _____

Legal representative person/ Authorized person (signature)

Con dấu hợp pháp/Con dấu chính thức:

Legal stamp/Official seal: